

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/DS-ST

Ngày: 29-4-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 109/2025/QĐST – DS ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Phước M**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 748 khu phố 3, thị trấn A, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Quốc T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp Tây Kinh, xã C, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa, ông M, ông T vắng mặt (ông M có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Lê Phước M trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 19/02/2023 (âm lịch) ông có cho ông Lê Quốc T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 19/9/2024 (âm lịch). Ngày 19/02/2024 (âm lịch) ông Lê Quốc T tiếp tục vay của ông số tiền 100.000.000 đồng và cũng hẹn thời gian trả tiền là ngày 19/09/2024 (âm lịch). Khi vay tiền đều có lập Giấy Hợp đồng giao dịch thoả thuận cho mượn tiền và thế chấp tài sản, ông T có ký tiền ghi rõ họ tên. Hai bên không thoả thuận lãi suất. Giữa ông và ông T chỉ thoả thuận về việc vay tài sản, ông không có nhận thế chấp tài sản nào của ông T. Đến thời hạn trả hai khoản tiền trên thì ông T không thực hiện, ông đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng ông T cứ hẹn lần hẹn lượt. Việc ông T không trả tiền đã vay làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Do đó, ông yêu cầu Toà án giải quyết: buộc ông Lê Quốc T phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn vay là

120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 20/9/2024 (âm lịch), tức ngày 21/10/2024 (dương lịch) đến khi toà án xét xử xong vụ án.

Tại biên bản hoà giải ông Lê Quốc T trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ông có vay của ông Lê Phước M số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 19/02/2023 (âm lịch), hai bên có làm giấy tờ, lãi suất 6%/tháng, ông đóng lãi đầy đủ cho ông Minh từ ngày vay cho đến tháng 10/2024 (âm lịch) thì không có khả năng đóng lãi tiếp. Thời hạn vay là 19/9/2024 (âm lịch). Sau lần vay 20.000.000 đồng này thì ông có vay thêm của ông M số tiền 40.000.000 đồng, lần vay này không có làm giấy tờ, lãi suất 15%/tháng. Thời gian vay thì ông không nhớ. Ông có đóng lãi cho 02 khoản tiền vay này nhưng không nhớ đóng bao nhiêu tháng và bao nhiêu tiền lãi. Đối với giấy nợ số tiền 100.000.000 đồng ngày 19/02/2024 âm lịch thì ông thừa nhận ông có ký tên nhưng ông M đã gộp số tiền 20.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền vốn vay và cộng luôn tiền lãi của những tháng ông không đóng và yêu cầu ông ký tên. Sau khi ký giấy nợ 100.000.000 đồng thì ông không đóng lãi cho ông M nữa. Ông thừa nhận chỉ nợ ông M số tiền 100.000.000 đồng. Nay đối với yêu cầu của ông M thì ông đồng ý trả cho ông M số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, xin không trả tiền lãi và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* ông Lê Phước M là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Lê Quốc T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M và ông T.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. Ông M cho rằng do có quan hệ quen biết với nhau nên giữa ông và ông Lê Quốc T có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc vay tài sản. Ngày 19/02/2023 (âm lịch) ông cho ông T vay số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 19/02/2024 (âm lịch) ông tiếp tục cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay cả hai lần vay tiền là ngày 19/09/2024 (âm lịch), mục đích của các lần vay tiền là để có vốn làm ăn, không thỏa thuận lãi suất. Các lần vay tiền hai bên có lập hợp đồng vay tiền và cả hai bên đều có ký tên vào hợp đồng. Đến thời hạn trả tiền thì ông T không thực hiện trả nợ. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vốn vay tổng cộng là 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 20/9/2024 (âm lịch), tức ngày 21/10/2024 (dương lịch) đến khi toà án xét xử xong vụ án.

Căn cứ nguyên đơn khởi kiện là:

02 Giấy hợp đồng giao dịch thỏa thuận cho mượn tiền và thế chấp tài sản ngày 19/02/2023 và ngày 19/02/2024.

Bị đơn ông T cũng thừa nhận giữa ông và ông M có thoả thuận về việc vay tài sản. Ngày 19/02/2023 (âm lịch) ông có vay của ông M số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 19/9/2024 (âm lịch). Sau đó có vay thêm của ông M số tiền 40.000.000 đồng nhưng không như thời gian vay, lần vay này không có làm giấy tờ. Đối với giấy nợ số tiền 100.000.000 đồng ngày 19/02/2024 âm lịch ông có ký tên nhưng do ông M cộng gộp hai khoản vay và tiền lãi thành số tiền 100.000.000 đồng và yêu cầu ông ký tên.

Toà án đã ra thông báo để ông cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông nhưng ông không cung cấp được. Do đó, lời trình bày của ông T không có căn cứ để xem xét.

Căn cứ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, việc vay tiền giữa ông M và ông T là hợp đồng vay tài sản, có sự ràng buộc nghĩa vụ giữa các bên. Ông T đã nhận đủ số tiền vay của ông M, có ký tên hợp đồng vay tài sản nhưng ông T không thực hiện việc trả nợ theo yêu cầu của ông M. Xét thấy, ông T đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M nên ông M có yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền vốn vay 120.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ được chấp nhận.

[2.2]. Về lãi suất:

Ông M yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn vay từ ngày 20/9/2024 (âm lịch), tức ngày 21/10/2024 (dương lịch) thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, 02 Giấy hợp đồng giao dịch thoả thuận cho mượn tiền và thế chấp tài sản ngày 19/02/2023 và ngày 19/02/2024 không thể hiện lãi suất. Ông T cho rằng có đóng lãi cho ông M với lãi suất 6%/tháng và 15%/tháng nhưng ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự: “...4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc luật có quy định khác.

02 Giấy hợp đồng giao dịch thoả thuận cho mượn tiền và thế chấp tài sản ngày 19/02/2023 và ngày 19/02/2024 có thể hiện thời hạn trả nợ là ngày 19/9/2024 âm lịch. Do đó, ông M yêu cầu ông T trả tiền lãi trên số tiền vốn vay từ ngày 20/9/2024 (âm lịch) tức ngày 21/10/2024 (dương lịch) thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

$120.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} 07 \text{ ngày} = 6.208.400 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích trên, nguyên đơn ông M khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng và 6.208.400 đồng tiền lãi, tổng cộng là 126.208.400 đồng.

[2.3]. Về án phí:

Do yêu cầu của ông M được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí là 6.310.420 đồng (126.208.400 đồng x 5%).

Ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên ông M được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 648 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phước M đối với bị đơn là ông Lê Quốc T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc ông Lê Quốc T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Phước M số tiền vốn vay là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng và 6.208.400 đồng (sáu triệu hai trăm lẻ tám nghìn bốn trăm) đồng tiền lãi, tổng cộng là 126.208.400 (một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm lẻ tám nghìn bốn trăm) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Lê Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.310.420 (sáu triệu ba trăm mười nghìn bốn trăm hai mươi) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Ông Lê Phước M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho ông Lê Phước M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.099.600 (ba triệu không trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm) đồng theo biên lai số 000103999 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Diệu

Lê Phú Chánh Thể

Lê Thị Hồng Đang

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Đang

